

Số: 68/2018/NQ-HĐND

Trà Vinh, ngày 11 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 1 Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh quy định các loại phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Phí, lệ phí ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2018 của Chính Phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 113/2017/TT-BTC ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Xét Tờ trình số 2199/TTr-UBND ngày 21/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi một số khoản của Điều 1 Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh quy định các loại phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 1 Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy

định các loại phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi Khoản 1 Điều 1 như sau:

“1. Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

a) Phạm vi và đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân làm chủ dự án hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật về lĩnh vực môi trường khi lập dự án đầu tư phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) và trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định thì phải nộp phí thẩm định theo quy định.

b) Mức thu

- Trường hợp thẩm định lần đầu báo cáo ĐTM: Theo quy mô dự án; chuyên ngành dự án hoặc mức độ phức tạp của công tác thẩm định, với mức thu theo các hạng mức sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Nhóm dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ VNĐ)				
	≤50	>50 và ≤100	>100 và ≤200	>200 và ≤500	>500
Nhóm 1. Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường	7,5	8,3	9,1	10,0	11,0
Nhóm 2. Dự án công trình dân dụng	8,0	8,7	9,6	10,6	11,6
Nhóm 3. Dự án hạ tầng kỹ thuật	8,4	9,2	10,2	11,2	12,3
Nhóm 4. Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	8,7	9,6	10,5	11,6	12,7
Nhóm 5. Dự án Giao thông	9,0	9,9	10,9	12,0	13,2
Nhóm 6. Dự án Công nghiệp	9,3	10,2	11,3	12,4	13,6
Nhóm 7. Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6)	7,5	8,3	9,1	10,0	11,0

- Trường hợp thẩm định lại báo cáo ĐTM: Mức thu bằng 50% mức thu phí thẩm định báo cáo lần đầu.

c) Quản lý, sử dụng phí

- Tổ chức thu phí được trích để lại 60% trên tổng số tiền phí thực thu được để chi cho hoạt động thẩm định, thu phí và nộp 40% vào ngân sách nhà nước;

- Tiền phí được để lại: Quản lý, sử dụng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ; chi phí cho hoạt động kiểm tra, khảo sát thực tế, chi vật tư văn phòng phẩm, chi phí giao nhận hồ sơ và chi thù lao cho thành viên Hội đồng thẩm định theo Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường.

+ Tổ chức thu phí thực hiện kê khai, nộp phí theo tháng, quyết toán phí năm theo quy định của pháp luật.”.

2. Sửa đổi Điểm c, Khoản 2 như sau:

“c) Quản lý, sử dụng phí

- Tổ chức thu phí được trích để lại 60% trên tổng số tiền phí thực thu được để chi cho hoạt động thẩm định, thu phí và nộp 40% vào ngân sách nhà nước;

- Tiền phí được để lại: Quản lý, sử dụng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ; chi phí cho hoạt động kiểm tra, khảo sát thực tế, chi vật tư văn phòng phẩm, chi phí giao nhận hồ sơ và chi thù lao cho thành viên Hội đồng thẩm định theo Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường.

- Tổ chức thu phí thực hiện kê khai, nộp phí theo tháng, quyết toán phí năm theo quy định của pháp luật.”.

3. Sửa đổi Điểm c, Khoản 3 như sau:

“c) Quản lý, sử dụng phí

+ Đơn vị thu phí (Chi cục Quản lý đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường và Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thị xã, thành phố) trích để lại 30% tổng số tiền phí thu được và nộp 70% tiền phí còn lại vào ngân sách Nhà nước; đồng thời, thực hiện kê khai, nộp phí theo tháng, quyết toán phí năm theo quy định của pháp luật.

+ Tiền phí được để lại: Quản lý, sử dụng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ.

+ Tổ chức thu phí thực hiện kê khai, nộp phí theo tháng, quyết toán phí năm theo quy định của pháp luật.”.

4. Sửa đổi Điểm c, Khoản 4; Điểm c, Khoản 5; Điểm c, Khoản 6 và Điểm c khoản 7 như sau:

“c) Quản lý, sử dụng phí

+ Trích để lại 50% trên tổng số phí thu được và nộp 50% số tiền phí còn lại vào ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

+ Đơn vị thu phí thực hiện kê khai, nộp phí theo tháng, quyết toán phí năm theo quy định của pháp luật.

+ Tiền phí được để lại: Quản lý, sử dụng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ.”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điểm b, Khoản 10:

“b) Mức thu

- ...

- Đăng ký văn bản thông báo về xử lý tài sản bảo đảm: 30.000 đồng/hồ sơ;

- ...

- Cấp bản sao văn bản chứng nhận nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm là 25.000 đồng/trường hợp.”.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai tổ chức thực hiện; Thường trực, các Ban của HĐND và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa IX - kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 11/7/2018 và có hiệu lực từ ngày 21/7/2018./

Nơi nhận:

- UBND, Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính, TN và MT;
- TT.TU, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: TN và MT, TC, TP, KBNN
Cục thuế, Cục thống kê tỉnh;
- TT. HĐND, UBND cấp huyện;
- Văn phòng: HĐND, UBND tỉnh;
- Báo, Đài PT-TH tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Website Chính phủ;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH



Trần Trí Dũng